

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN KON RẪY**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Rẫy, ngày tháng năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành: Dự án lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KON RẪY**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 22/3/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Kon Rẫy;*

*Căn cứ Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu Kinh tế - Xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch vốn đầu tư năm 2024;*

*Căn cứ Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 17/05/2024 của UBND huyện Kon Rẫy về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum;*

*Căn cứ Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 10/09/2024 của UBND huyện Kon Rẫy về việc phê duyệt Dự toán kinh phí và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu Dự án lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum;*

*Theo đề nghị của Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện tại Tờ trình số 15/TTr-NNMT ngày 31/3/2025 về việc xin thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành và đề xuất của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 46/TTr-PTCKH ngày 28/4/2025 (kèm theo Biên bản thẩm tra số 17/BB-TTQT ngày 08/4/2025).*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.
2. Mã số dự án: 8106570.
3. Chủ đầu tư: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Kon Rẫy (nay là Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện).
4. Địa điểm thực hiện: Huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.
5. Thời gian khởi công - hoàn thành: Từ ngày 05/04/2024 đến ngày 24/03/2025.

### **Điều 2. Kết quả đầu tư:**

1. Chi phí đầu tư:

*Đơn vị tính: Đồng*

| TT | Nội dung                    | Tổng mức đầu tư      | Tổng dự toán         | Giá trị quyết toán   |
|----|-----------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
|    | <b>Tổng số:</b>             | <b>3.367.867.791</b> | <b>3.367.867.791</b> | <b>2.013.068.638</b> |
| 1  | Chi phí tư vấn              | 3.367.867.791        | 3.367.867.791        | 2.001.659.181        |
| 2  | Chi phí thẩm tra quyết toán |                      |                      | 11.409.457           |

## 2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

| Nguồn vốn                                 | Kế hoạch vốn được bố trí | Giá trị quyết toán   | Thực hiện            |                     |
|-------------------------------------------|--------------------------|----------------------|----------------------|---------------------|
|                                           |                          |                      | Đã thanh toán        | Còn được thanh toán |
| <b>Tổng cộng</b>                          | <b>1.947.332.607</b>     | <b>2.013.068.638</b> | <b>1.881.214.037</b> | <b>131.854.601</b>  |
| <b>I. Kế hoạch vốn đã bố trí</b>          | <b>1.947.332.607</b>     | <b>2.013.068.638</b> | <b>1.881.214.037</b> | <b>131.854.601</b>  |
| Nguồn ngân sách huyện, và ngân sách tỉnh* | 1.947.332.607            | 2.013.068.638        | 1.881.214.037        | 131.854.601         |

\* Nguồn ngân sách tỉnh (bổ sung) theo Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh Kon Tum về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024; Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh Kon Tum về giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024 tỉnh Kon Tum; Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu Kinh tế - Xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 và các nguồn vốn hợp pháp khác.

## 3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

| Nội dung           | Thuộc chủ đầu tư quản lý |         | Giao cho đơn vị khác |         |
|--------------------|--------------------------|---------|----------------------|---------|
|                    | Thực tế                  | Quy đổi | Thực tế              | Quy đổi |
| <b>Tổng số:</b>    | <b>2.013.068.638</b>     |         |                      |         |
| - Tài sản cố định  | 2.013.068.638            |         |                      |         |
| - Tài sản lưu động |                          |         |                      |         |

## 4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

### Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

#### 1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư (Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện):

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND huyện về tính chính xác, đầy đủ, hợp pháp, đúng quy định, thống nhất giữa hồ sơ và thực tế của số liệu, tài liệu và nội dung đề nghị quyết toán; tính chính xác khối lượng, đúng dẫn về đơn giá, định mức, chế độ chủ đầu tư và nhà thầu nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng vốn và theo dõi, hạch toán giá trị tài sản theo đúng quy định của pháp luật có liên quan.

- Lưu trữ hồ sơ dự án, cung cấp kịp thời hồ sơ dự án cho cơ quan thanh tra, kiểm toán và cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu; báo cáo tình hình tài sản được đầu tư với cơ quan chức năng theo quy định của Nhà nước.

- Kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, Chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn thành giải quyết các khoản còn phải trả, phải thu và tất toán tài khoản của dự án đảm bảo đúng tiến độ thời gian theo đúng quy định hiện hành.

- Tất toán chi phí và vốn đầu tư công trình là:

*Đơn vị tính: Đồng*

| <b>Nguồn vốn đầu tư</b>                                                                  | <b>Số tiền</b>       | <b>Ghi chú</b>                                           |
|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------------|
| <b>Tổng số</b>                                                                           | <b>2.013.068.638</b> | Tất toán sau khi hoàn thành thanh toán công nợ của dự án |
| Nguồn ngân sách huyện và nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung và các nguồn vốn hợp pháp khác | 2.013.068.638        |                                                          |

**2. Các khoản công nợ tính đến ngày 08/4/2025:**

- Tổng nợ phải thu: 0 đồng.

- Tổng nợ phải trả: 131.854.601 đồng; gồm:

+ Chi phí công bố, công khai điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Kon Rẫy 120.445.144 đồng do Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Hoàng Nguyên Kon Tum thực hiện.

+ Chi phí thẩm tra quyết toán 11.409.457 đồng do Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thực hiện.

- Nguồn vốn để thanh toán khoản nợ còn phải trả: Nguồn ngân sách huyện; nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung và các nguồn vốn hợp pháp khác

**3. Trách nhiệm của Phòng giao dịch số 13-Kho bạc Nhà nước khu vực XIV và Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện:**

- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước UBND huyện về kết quả thẩm tra và hồ sơ trình UBND huyện phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum nêu trên.

- Hướng dẫn cho Chủ đầu tư giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành và giải quyết công nợ, tất toán tài khoản của dự án.

- Kiểm tra, đối chiếu, xác nhận vốn đầu tư đã thanh toán đảm bảo đúng quy định của Nhà nước.

- Đơn đốc Chủ đầu tư thanh toán khoản còn phải trả, phải thu *(nếu có)* theo Quyết định phê duyệt quyết toán và tất toán tài khoản của dự án đã phê duyệt quyết toán theo đúng quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện; Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện; Trưởng phòng giao dịch số 13-Kho bạc Nhà nước khu vực XIV và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4 (t/h);
- Sở Tài chính tỉnh (thay b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Thủy**